

Số: 177/BC-TCKH

Thanh Miện, ngày 30 tháng 6 năm 2022

BÁO CÁO
CÔNG KHAI THUYẾT MINH TÌNH HÌNH
THỰC HIỆN DỰ TOÁN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

Phòng Tài chính-Kế hoạch huyện báo cáo công khai kết quả thực hiện dự toán thu, chi ngân sách hai cấp 6 tháng đầu năm năm 2022, cụ thể như sau:

I-KẾT QUẢ THU, CHI NGÂN SÁCH HAI CẤP 6 THÁNG ĐẦU NĂM

1. NHIỆM VỤ THU NGÂN SÁCH

1.1. Thu ngân sách Nhà nước

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN TỈNH GIAO NĂM 2022	DỰ TOÁN HUYỆN GIAO NĂM 2022	ƯỚC THU 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022	ĐẠT TỶ LỆ (%)		
					SO VỚI TỈNH GIAO	SO VỚI HUYỆN GIAO	SO VỚI CÙNG KỲ NĂM 2021
	TỔNG THU	310.750	310.750	264.300	85,1	85,1	104,7
	TỔNG THU NSNN TRỪ TIỀN ĐẤT	60.750	60.750	46.358	76,3	76,3	106,9
1	Thu khu vực DNNN	200	200	216	108,0	108,0	149,2
2	Thu ngoài quốc doanh	15.200	15.200	13.667	89,9	89,9	116,4
	- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.280	2.280	1.781	78,1	78,1	
	- Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)	12.920	12.920	11.886	92,0	92,0	
3	Lệ phí trước bạ	20.000	20.000	14.837	74,2	74,2	99,5
	- Trước bạ nhà đất	1.400	1.400	2.464	176,0	176,0	
	- Trước bạ tài sản	18.600	18.600	12.373	66,5	66,5	
4	Thuế sử dụng đất phi NN	900	900	67	7,4	7,4	
5	Thuế bảo vệ môi trường		0	150			
6	Thu phí và Lệ phí	2.350	2.350	1.547	65,8	65,8	
	- Phí, Lệ phí thông thường	1.465	1.465	682	46,6	46,6	
	- Lệ phí môn bài	885	885	865	97,7	97,7	
7	Thuế Thu nhập cá nhân	5.500	5.500	6.139	111,6	111,6	117,9
8	Thu tiền sử dụng đất	250.000	250.000	217.942	87,2	87,2	104,3
	- Thu tiền đất dự án KDC	48.000	48.000		0,0	0,0	
	- Thu tiền sử dụng đất ở nông thôn	200.000	200.000	216.900	108,5	108,5	
	- Thu tiền đất dôi dư	2.000	2.000	1.042	52,1	52,1	
9	Thu tiền thuê đất	800	800	430	53,8	53,8	
10	Thu khác NS (phạt, tịch thu, khác)	14.000	14.000	6.894	49,2	49,2	117,2
11	Thu tại xã (HLCs; quỹ đất công)	1.800	1.800	2.411	133,9	133,9	158,1

1.2. Thu ngân sách xã

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN TỈNH GIAO NĂM 2022	DỰ TOÁN HUYỆN GIAO NĂM 2022	ƯỚC THU 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022	ĐẠT TỶ LỆ (%)	
					SO VỚI TỈNH GIAO	SO VỚI HUYỆN GIAO
	TỔNG THU (A+B+C)	50.764	50.764	59.543	117,3	117,3
A	CÁC KHOẢN THU CÂN ĐỐI CHI TX	8.764	8.764	11.926	136,1	136,1
I	CÁC KHOẢN THU DO XÃ, TT THU	1.800	1.800	2.011	111,7	111,7
1	Thu từ quỹ đất công ích và HLCS	1.800	1.800	2.011	111,7	111,7
II	THU PHÂN CHIA THEO TỶ LỆ %	6.964	6.964	9.915	142,4	142,4
1	Phí - Lệ phí thông thường (100%)	690	690	316	45,8	45,8
2	Thuế đất phi nông nghiệp (100%)	861	861	4,3	0,5	0,5
3	Lệ phí môn bài hộ KD (100%)	380	380	354	93,2	93,2
4	Thuế TNCN (xã 80%, TT 50%)	861	861	803	93,3	93,3
5	Thuế GTGT (xã 80%, TT50%)	1.722	1.722	1.418	82,3	82,3
4	Lệ phí trước bạ nhà đất (100%)	1.400	1.400	2.303	164,5	164,5
6	Thu khác ngân sách	1.050	1.050	4.717	449,2	449,2
B	TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT	42.000	42.000	47.617	113,4	113,4
1	Thu tiền SD đất (20%)	40.000	40.000	46.575	116,4	116,4
2	Đất đôi dư (100%)	2.000	2.000	1.042	52,1	52,1

2. NHIỆM VỤ CHI NGÂN SÁCH

2.1. Chi ngân sách huyện

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU CHI	DỰ TOÁN GIAO NĂM 2022	ƯỚC CHI 6 THÁNG NĂM 2022	TỶ LỆ % SO VỚI KẾ HOẠCH	GHI CHÚ
	TỔNG CỘNG	537.240	278.006	51,7	
A	CHI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN	185.973	77.607	41,7	
I	Từ nguồn vốn KH đầu tư công năm 2022	185.973	58.000	31,2	
1	Nguồn vốn đầu tư XD CB tập trung	17.973	10.000	55,6	
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất	168.000	48.000	28,6	
II	Từ các nguồn vốn khác	-	19.607		
1	Nguồn DT NSH năm 2022 (hỗ trợ chi ĐT)		975		
2	Nguồn chuyển nguồn năm 2021 sang		18.632		
B	CHI THUỜNG XUYỀN	341.553	199.553	58,4	
I	Sự nghiệp kiến thiết Kinh tế	15.546	12.137	78,1	
1	Sự nghiệp Giao thông	2.080	1.092	52,5	
2	Sự nghiệp Nông nghiệp và PCLB	6.185	4.704	76,1	
	- Sự nghiệp Nông nghiệp	4.555	3.386	74,3	
	- Phòng chống lụt bão	190	92	48,4	
	- Lâm thủy lợi Đông Xuân 2021-2022	990	975	98,5	
	- Kinh phí Đề án cây máy	299	166	55,4	

TT	CHỈ TIÊU CHI	DỰ TOÁN GIAO NĂM 2022	ƯỚC CHI 6 THÁNG NĂM 2022	TỶ LỆ % SO VỚI KẾ HOẠCH	GHI CHÚ
	- Hỗ trợ sản phẩm DV công ích thủy lợi, DT ngoài lưu vực do địa phương thực hiện	151	86	56,6	
3	SN Kinh tế, Kiến thiết thị chính, Môi trường	7.281	6.341	87,1	
	- Sự nghiệp Môi trường	258	208	80,6	
	- Sự nghiệp Kiến thiết thị chính	1.036	617	59,6	
	- Chi phí đầu giá QSD đất	758	325	42,9	
	- Chi phí quy hoạch, đo đạc, kế hoạch sd đất	40	3.100	7.750,5	
	- Sự nghiệp Kinh tế khác	5.190	2.091	40,3	
II	Sự nghiệp Văn - Xã	283.635	164.595	58,0	
1	Sự nghiệp Giáo dục	238.993	135.982	56,9	
2	Sự nghiệp Đào tạo	2.143	921	43,0	
3	Sự nghiệp văn hóa, TDTT	2.162	1.320	61,0	
	- Sự nghiệp văn hoá	1.116	684	61,3	
	- Sự nghiệp TDTT	1.046	636	60,8	
4	Sự nghiệp phát thanh	1.399	764	54,6	
5	Chi đảm bảo xã hội	38.587	25.466	66,0	
6	Sự nghiệp y tế	351	141	40,2	
III	Chi quản lý hành chính	30.918	19.651	63,6	
1	Quản lý Nhà nước và HĐND	16.510	10.562	64,0	
2	Kinh phí Đảng	8.799	6.040	68,6	
3	Đoàn thể và các Hội	5.609	3.050	54,4	
IV	Chi khác ngân sách	3.424	2.529	73,9	
1	Chi An ninh	351	325	92,6	
2	Chi Quốc phòng	2.791	1.945	69,7	
3	Chi khác	282	258	91,6	
V	Khen thưởng các ngành	1.361	642	47,1	
VI	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên	6.669		-	
C	CHI DỰ PHÒNG	9.714	846	8,7	

2.2. Chi ngân sách xã

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN HUYỆN GIAO NĂM 2022	ƯỚC CHI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022	TỶ LỆ % SO VỚI DỰ TOÁN	GHI CHÚ
	TỔNG CHI (I+II+III+IV)	132.121	104.765	79,3	
I	CHI ĐẦU TƯ XDCB	42.000	54.966	130,9	
II	CHI THƯỜNG XUYỀN	54.992	31.295	56,9	
1	Sự nghiệp kinh tế	1.449	779	53,8	
	- Sự nghiệp giao thông	429	155	36,1	

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN HUYỆN GIAO NĂM 2022	ƯỚC CHI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022	TỶ LỆ % SO VỚI DỰ TOÁN	GHI CHÚ
	- Sự nghiệp nông, lâm - thủy lợi	467	347	74,4	
	- Sự nghiệp thị chính - Môi trường	553	278	50,2	
2	Sự nghiệp giáo dục	351	174	49,7	
3	Sự nghiệp VH-TT-TDTT	1.139	739	64,9	
4	Sự nghiệp y tế	351	2.080	593,1	
5	Sự nghiệp truyền thanh	511	337	65,9	
6	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	664	432	65,0	
7	Sự nghiệp y tế	664	432	65,0	
7	Chi quản lý hành chính	49.142	26.029	53,0	
	- Quản lý nhà nước	35.038	17.811	50,8	
	- Kinh phí Đảng	6.204	3.412	55,0	
	- Đoàn thể và các Hội	7.900	4.806	60,8	
8	Hỗ trợ an ninh	680	357	52,5	
9	Quốc phòng địa phương	563	286	50,8	
10	Chi khác	142	82	57,5	
III	DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	1.979	825	41,7	
IV	BỔ SUNG MỤC TIÊU NSTW	33.150	17.680	53,3	

II-ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

1. Thu ngân sách

Tổng thu ngân sách Nhà nước 6 tháng đầu năm 2022 ước đạt 85,1% kế hoạch Tỉnh và Huyện giao, bằng 104,7% so với cùng kỳ năm 2021 (tổng thu NSNN loại trừ chỉ tiêu thu tiền sử dụng đất ước đạt 76,3% so với kế hoạch). Những chỉ tiêu có số thu đạt tỷ lệ tương đối cao so với kế hoạch đó là: Thu ngoài quốc doanh đạt 89,9%; Phí, Lệ phí đạt 65,8%; Thuế thu nhập cá nhân đạt 111,6%; thu tiền sử dụng đất đạt 87,2%. Các chỉ tiêu có số thu cao hơn so với cùng kỳ năm 2021 gồm: Thu ngoài quốc doanh tăng 16,4%; Thuế thu nhập cá nhân 17,9%; thu tiền thuê đất tăng 4,3%; thu khác ngân sách tăng 17,2%; thu cố định tại xã tăng 58,1%.

Tổng thu ngân sách xã (không bao gồm thu bổ sung cân đối) 6 tháng đầu năm 2022 ước đạt 117,3% so với kế hoạch giao (tổng thu loại trừ chỉ tiêu thu tiền sử dụng đất ước đạt 136,1% kế hoạch). Chỉ tiêu thu ước đã hoàn thành kế hoạch ngay trong 6 tháng đầu năm là Lệ phí trước bạ nhà đất đạt 164,5%; thu khác ngân sách đạt 449,2%; thu từ quỹ đất công ích và HLCS đạt 111,7%.

Bên cạnh các chỉ tiêu thu NSNN đã đảm bảo tiến độ theo kế hoạch đề ra và hoàn thành kế hoạch ngay trong 6 tháng đầu năm 2022, tình hình thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách 6 tháng đầu năm 2022 cũng còn một số chỉ tiêu có số thu đạt tỷ lệ chưa cao so với kế hoạch như thu khác ngân sách nhà nước đạt 49,2% kế hoạch; bố trí số

thu tiền sử dụng đất đảm bảo kế hoạch thực hiện xây dựng công trình giao thông trọng điểm của huyện)

2. Chi ngân sách

2.1. Chi ngân sách huyện

Tổng chi ngân sách huyện 6 tháng đầu năm 2022 ước bằng 51,7% so với dự toán huyện giao; trong đó: chi đầu tư xây dựng cơ bản bằng 41,7%; chi thường xuyên bằng 58,4%; chi dự phòng bằng 8,7% so với dự toán.

- Chi đầu tư XD CB ngân sách huyện bằng 41,7% dự toán gồm: chi từ nguồn vốn kế hoạch đầu tư công năm 2022 đạt 31,2%; còn lại chi từ nguồn dự toán ngân sách huyện hỗ trợ đầu tư năm 2022 và từ nguồn vốn năm 2021 đã tạm ứng cho các công trình, được chuyển nguồn sang năm 2022 để thanh toán hoàn ứng (*chi tiết phụ lục số 02 kèm theo*).

- Chi thường xuyên ngân sách huyện bằng 58,4% dự toán gồm: ngoài việc đảm bảo các khoản chi cho con người, chi hoạt động nghiệp vụ theo định mức khoán chi của các cơ quan, đơn vị. Trong 6 tháng đầu năm, ngân sách huyện đã kịp thời bổ sung kinh phí để các cơ quan, đơn vị thực hiện các nhiệm vụ chi đặc thù đã được giao (*chi tiết phụ lục số 03 kèm theo*).

- Chi dự phòng ngân sách huyện bằng 8,7% dự toán gồm: kinh phí hỗ trợ Đoàn Thanh niên kinh phí gặp mặt thanh niên lên đường nhập ngũ; phòng Nội vụ huyện tổ chức hội nghị tổng kết phong trào thi đua khôi thi đua các huyện, thị xã, thành phố năm 2021; Đại hội đại biểu Hội Cựu Thanh niên xung phong huyện Thanh Miện lần thứ IV, nhiệm kỳ 2021-2026; hỗ trợ Công an huyện kinh phí phục vụ công tác cấp căn cước công dân gắn chip điện tử và tổ chức triển khai thực hiện Luật Cư trú 2020; Ban Chỉ huy Quân sự huyện phục vụ công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ năm 2022 và một số nhiệm vụ phát sinh đột xuất của cơ quan...

2.2. Chi ngân sách xã

Tổng chi ngân sách xã 6 tháng đầu năm ước bằng 79,3% so với dự toán huyện giao; trong đó: chi đầu tư xây dựng cơ bản bằng 130,9%; chi thường xuyên bằng 56,9%; chi dự phòng bằng 41,7%; chi bổ sung có mục tiêu NSTW bằng 53,3% so với dự toán năm 2022.

- Chi đầu tư xây dựng cơ bản ngân sách xã bằng 130,9% dự toán chủ yếu là do: các xã, thị trấn chi từ nguồn thu tiền đấu giá quyền sử dụng đất được điều tiết trong 6 tháng đầu năm; từ nguồn thu tiền đất dôi dư; từ nguồn vốn ngân sách huyện cấp để các xã thanh toán các công trình xây dựng HTKT điểm dân cư mới; hỗ trợ các xã, thị trấn trả nợ xây dựng các công trình.

- Chi thường xuyên ngân sách xã bằng 56,9% dự toán là do: ngoài việc chi từ dự toán kinh phí được giao đầu năm, các xã, thị trấn đã chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu ngân sách huyện hỗ trợ công tác phòng, chống dịch COVID-19 là 1 tỷ 712 triệu đồng.

III-MỘT SỐ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG CUỐI NĂM 2022

1. Về thu ngân sách

Nhu cầu về nguồn vốn trong năm 2022 là rất lớn, ngoài việc phân đầu hoàn thành kế hoạch thu để đảm bảo nguồn kinh phí cân đối chi các nhiệm vụ theo dự toán được giao, ngân sách cấp huyện và cấp xã phải tập trung phân đầu có nguồn tăng thu ngân sách để phục vụ chương trình mục tiêu xây dựng Nông thôn mới nâng cao, đầu tư xây dựng công trình trọng điểm của huyện, công tác phòng, chống thiên tai, dịch bệnh và các nhiệm vụ đột xuất phát sinh trong năm. Vì vậy công tác thu, chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2022 sẽ tập trung vào một số nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

1.1. Triển khai thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ để doanh nghiệp, hộ kinh doanh giảm bớt khó khăn do dịch bệnh, từng bước khôi phục và đưa nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh đi vào hoạt động ổn định. Đẩy nhanh tiến độ xử lý hồ sơ hoàn thuế GTGT, tạo điều kiện cho người nộp thuế có thêm nguồn vốn để duy trì hoạt động và thực hiện trách nhiệm nộp thuế đúng kỳ hạn.

1.2. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, đơn giản hóa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng dịch vụ khai, nộp thuế, hoàn thuế điện tử, hóa đơn điện tử. Duy trì hệ thống công nghệ thông tin thông suốt, đảm bảo cho người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước mà không cần phải đến trực tiếp cơ quan thuế.

1.3. Tiếp tục phối hợp rà soát, quản lý chặt chẽ tổng thể các nguồn thu, bảo đảm tính đúng, tính đủ từng sắc thuế ở từng lĩnh vực theo các quy định của pháp luật về thuế. Chú trọng đến các khoản thu vãng lai, các khoản thu khác thường phát sinh trong những tháng cuối năm, phân đầu khai thác tốt tất cả các nguồn thu để tăng thu cho ngân sách Nhà nước.

1.4. Tích cực rà soát, quản lý chặt chẽ các nguồn thu phát sinh trên địa bàn. Khai thác tối đa các nguồn thu mới, các khoản thu có khả năng đạt mức thu cao, để bù đắp cho các khoản thu đang gặp khó khăn. Tiến hành công khai, minh bạch và đảm bảo tính đúng, tính đủ từng sắc thuế của người nộp thuế. Thực hiện thu, nộp kịp thời, đầy đủ các khoản đã thu vào ngân sách nhà nước.

1.5. Chỉ đạo các xã, thị trấn phối hợp chặt chẽ với Chi cục Thuế khu vực để hoàn thành các chỉ tiêu thu cân đối (thuế GTGT; thuế thu nhập cá nhân; Lệ phí Trước bạ nhà, đất; Phí, Lệ phí; HLCS; thu khác...). Đồng thời, phối hợp đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác GPMB, thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất; xây dựng

HTKT điểm dân cư mới; tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất và xử lý đất dôi dư, tạo nguồn thu tiền sử dụng đất.

2. Về chi ngân sách

2.1. Chi đầu tư xây dựng cơ bản: Đối với các dự án, công trình chuyển tiếp năm 2021 sang năm 2022 và khởi công mới năm 2022, chỉ đạo các chủ đầu tư đôn đốc các nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án, công trình theo đúng tiến độ. Kịp thời nghiệm thu khối lượng hoàn thành và thực hiện ngay việc giải ngân, thanh toán nguồn vốn đã có trong kế hoạch. Đảm bảo phát huy hiệu quả nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, góp phần kiềm chế lạm phát và tạo điều kiện để doanh nghiệp giảm bớt khó khăn, tiếp tục hoạt động, phát triển.

Chủ động, linh hoạt trong công tác điều hành kế hoạch nguồn vốn chi đầu tư xây dựng. Bám sát tình hình, tiến độ triển khai của từng dự án, công trình; thực hiện ngay việc điều chuyển vốn của các dự án, công trình thi công chậm tiến độ, hoặc chưa đủ điều kiện triển khai, sang các dự án, công trình có đủ điều kiện giải ngân, thanh toán vốn. Đảm bảo đến hết năm 2022 phải giải ngân 100% vốn đầu tư công đã bố trí trong kế hoạch.

2.3. Tiếp tục quản lý chặt chẽ công tác đầu tư xây dựng cơ bản. Chỉ đạo các xã, thị trấn phát huy tốt nội lực của địa phương, chủ động khai thác các nguồn thu để có nguồn vốn thanh toán, trả nợ cho các dự án, công trình; kiên quyết không để phát sinh nợ, đọng xây dựng cơ bản. Đối với các dự án, công trình trọng điểm, các dự án, công trình phục vụ xây dựng nông thôn mới nâng cao, các địa phương chỉ được triển khai thực hiện khi đã đảm bảo đầy đủ kế hoạch nguồn vốn theo quy định.

2.3. Tiếp tục thực hiện nghiêm các quy định của Luật đầu tư công, Kế hoạch đầu tư công đã được phê duyệt; triển khai đồng bộ các biện pháp về tiết kiệm, chống lãng phí trong toàn bộ quá trình đầu tư. Nâng cao chất lượng, hiệu quả trong việc sử dụng nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước; chủ động rà soát, điều chỉnh kế hoạch nguồn vốn để đảm bảo nguồn vốn đã bố trí cho dự án, công trình phải được giải ngân trong năm 2022, hạn chế việc chuyển nguồn.

2.4. Đối với chi thường xuyên: Thực hiện việc quản lý, điều hành kinh phí chi thường xuyên đảm bảo cân đối theo đúng dự toán được giao. Tiếp tục rà soát dự toán, sắp xếp các nhiệm vụ chi theo thứ tự ưu tiên để chủ động cắt giảm khi cần thiết. Đảm bảo tốt nguồn kinh phí để chi thực hiện các chế độ, chính sách cho người có công, chi hỗ trợ hộ nghèo và các đối tượng bảo trợ xã hội. Chủ động nguồn kinh phí dự phòng, nguồn tăng thu ngân sách và các nguồn có được từ tiết kiệm chi thường xuyên, để đảm bảo nguồn kinh phí phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 và các nhiệm vụ đột xuất phát sinh 6 tháng cuối năm 2022.

2.5. Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước. Tiếp tục thực hiện công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng ngân sách và các nguồn tài trợ, ủng hộ, đóng góp của cá nhân, tổ chức. /

Nơi nhận:

- TT. HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT.UBND huyện;
- Các cơ quan liên quan;
- Lưu: VT, TCKH.

TRƯỞNG PHÒNG



Phạm Hồng Thiệp

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ II NĂM 2022

(Đính kèm Báo cáo số 177/BC-TCKH ngày 30/6/2022 của phòng TC-KH huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện quý I/2022	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	310.750	264.300	85,1	104,7
I	Thu cân đối NSNN	310.750	264.300	85,1	104,7
1	Thu nội địa	310.750	264.300,0	85,1	104,7
2	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang				
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	537.240,0	278.006,0	51,7	101,7
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	537.240	278.006,0	51,7	101,7
1	Chi đầu tư phát triển	185.973	77.607,0	41,7	
2	Chi thường xuyên	334.884	199.553,0	59,6	
3	Dự phòng ngân sách	9.714	846,0	8,7	
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	6.669		-	
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh				

PHỤ LỤC SỐ 1
ƯỚC THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số: **172**/BC-TCKH ngày **30**/6/2022 của phòng TC-KH huyện)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN TỈNH GIAO NĂM 2022	DỰ TOÁN HUYỆN GIAO NĂM 2022	ƯỚC THU 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022	ĐẠT TỶ LỆ (%)		
					SO VỚI TỈNH GIAO	SO VỚI HUYỆN GIAO	SO VỚI CÙNG KỲ NĂM 2021
	TỔNG THU	310.750	310.750	264.300	85,1	85,1	104,7
	TỔNG THU NSNN TRỪ TIỀN ĐẤT	60.750	60.750	46.358	76,3	76,3	106,9
1	Thu khu vực DNNN	200	200	216	108,0	108,0	149,2
2	Thu ngoài quốc doanh	15.200	15.200	13.667	89,9	89,9	116,4
	- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.280	2.280	1.781	78,1	78,1	
	- Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)	12.920	12.920	11.886	92,0	92,0	
3	Lệ phí trước bạ	20.000	20.000	14.837	74,2	74,2	99,5
	- Trước bạ nhà đất	1.400	1.400	2.464	176,0	176,0	
	- Trước bạ tài sản	18.600	18.600	12.373	66,5	66,5	
4	Thuế sử dụng đất phi NN	900	900	67	7,4	7,4	
5	Thuế bảo vệ môi trường		0	150			
6	Thu phí và Lệ phí	2.350	2.350	1.547	65,8	65,8	
	- Phí, Lệ phí thông thường	1.465	1.465	682	46,6	46,6	
	- Lệ phí môn bài	885	885	865	97,7	97,7	
7	Thuế Thu nhập cá nhân	5.500	5.500	6.139	111,6	111,6	117,9
8	Thu tiền sử dụng đất	250.000	250.000	217.942	87,2	87,2	104,3
	- Thu tiền đất dự án KDC	48.000	48.000		0,0	0,0	
	- Thu tiền sử dụng đất ở nông thôn	200.000	200.000	216.900	108,5	108,5	
	- Thu tiền đất dôi dư	2.000	2.000	1.042	52,1	52,1	
9	Thu tiền thuê đất	800	800	430	53,8	53,8	
10	Thu khác NS (phạt, tịch thu, khác)	14.000	14.000	6.894	49,2	49,2	117,2
11	Thu tại xã (HLCS; quỹ đất công)	1.800	1.800	2.411	133,9	133,9	158,1

PHỤ LỤC SỐ 2
ƯỚC CHI NGÂN SÁCH HUYỆN 6 THÁNG NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số: **177** /BC-TCKH ngày **30** /6/2022 của phòng TC-KH huyện)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN HUYỆN GIAO NĂM 2022	ƯỚC CHI 6 THÁNG NĂM 2022	TỶ LỆ % SO VỚI DỰ TOÁN	GHI CHÚ
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH (I+II+III)	537.240,0	278.006,4	51,7	
I	CHI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN	185.973,0	77.607,0	41,7	
1	Từ nguồn vốn đầu tư công năm 2022	185.973,0	58.000,0	31,2	
-	Nguồn vốn đầu tư XDCB tập trung	17.973,0	10.000,0	55,6	
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất	168.000,0	48.000,0	28,6	
2	Từ nguồn vốn khác	0,0	19.607,0		
-	Nguồn dự toán NSH hỗ trợ chi đầu tư	0,0	975,0		
-	Nguồn chuyển nguồn năm 2021 sang	0,0	18.632,0		
II	CHI THƯỜNG XUYÊN	341.553,0	199.553,4	58,4	
1	SỰ NGHIỆP KIẾN THIẾT KINH TẾ	15.546,0	12.137,3	78,1	
1.1	Sự nghiệp giao thông	2.080,0	1.092,0	52,5	
1.2	Sự nghiệp nông nghiệp và PCLB	6.185,0	4.704,2	76,1	
-	Sự nghiệp nông nghiệp	4.555,0	3.386,0	74,3	
-	Sự nghiệp phòng, chống lụt bão	190,0	92,0	48,4	
-	Làm thủy lợi Đông Xuân 2021-2022	990,0	975,0	98,5	
-	Kinh phí Đề án cây máy	299,0	165,7	55,4	
-	Thủy lợi phí: giá DV công ích thủy lợi phí phân				
-	DT tưới, tiêu ngoài lưu vực do địa phương thực hiện	151,0	85,5	56,6	
1.3	Sự nghiệp kinh tế, KTTC, MT	7.281,0	6.341,1	87,1	
-	Sự nghiệp kiến thiết thị chính	1.036,0	617,0	59,6	
-	Sự nghiệp môi trường	257,5	207,5	80,6	
-	Văn phòng đăng ký QSD đất	190,0	91,4	48,1	
-	Chi phí đầu giá QSD đất	757,5	325,0	42,9	
-	Chi phí quy hoạch, đo đạc	40,0	3.100,2	7.750,5	
-	Sự nghiệp kinh tế khác	5.000,0	2.000,0	40,0	
2	SỰ NGHIỆP VĂN - XÃ	283.635,0	164.594,7	58,0	
2.1	Sự nghiệp Giáo dục	238.993,0	135.982,0	56,9	
2.2	Sự nghiệp Đào tạo	2.143,0	921,3	43,0	
2.3	Sự nghiệp Văn hoá, TDTT	2.162,0	1.319,8	61,0	
-	Sự nghiệp Văn hóa	1.116,2	684,0	61,3	
-	Sự nghiệp Thể dục, thể thao	1.045,8	635,8	60,8	
2.4	Sự nghiệp Phát thanh	1.399,0	764,2	54,6	
2.5	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	38.587,0	25.466,4	66,0	
2.6	Sự nghiệp Y tế	351,0	141,0	40,2	
3	QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH	30.918,0	19.651,2	63,6	
3.1	Kinh phí quản lý Nhà nước và HĐND	16.510,2	10.561,7	64,0	
*	Hội đồng nhân dân huyện	1.055,6	687,5	65,1	
*	Văn phòng HĐND và UBND	3.655,4	2.135,3	58,4	
*	Phòng Nội vụ	701,3	376,4	53,7	
*	Phòng Tài chính - Kế hoạch	1.171,4	710,8	60,7	

TT	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN HUYỆN GIAO NĂM 2022	ƯỚC CHI 6 THÁNG NĂM 2022	TỶ LỆ % SO VỚI DỰ TOÁN	GHI CHÚ
	* Phòng Tài nguyên và Môi trường	990,5	596,4	60,2	
	* Phòng Nông nghiệp và PTNT	656,5	332,8	50,7	
	* Thanh tra huyện	692,0	391,4	56,6	
	* Phòng Kinh tế và Hạ tầng	1.013,4	596,2	58,8	
	* Phòng Văn hoá và Thông tin	670,2	381,5	56,9	
	* Phòng Giáo dục và Đào tạo	1.200,9	672,9	56,0	
	* Phòng Lao động TB và XH	680,9	417,7	61,3	
	* Phòng Tư pháp	635,2	357,1	56,2	
	* Phòng Y tế	283,5	149,8	52,8	
	* Hỗ trợ CSVC các phòng, đơn vị, các xã, TTr	900,0	900,0	100,0	
	* Ứng dụng CNTT UBND huyện	360,0	360,0	100,0	
	* Hỗ trợ trang thiết bị nhà 1 cửa của huyện và các xã, TTr	900,0	900,0	100,0	
	* Hỗ trợ KP thực hiện NQ Đại hội Đảng	350,0	212,5	60,7	
	* Hỗ trợ chi khác	593,4	383,4	64,6	
3.2	Kinh phí Đảng	8.798,8	6.040,0	68,6	
3.3	Đoàn thể và các Hội	5.609,0	3.049,5	54,4	
	* Mặt trận Tổ quốc	1.022,4	557,6	54,5	
	* Hội Phụ nữ	681,8	378,3	55,5	
	* Đoàn thanh niên	739,9	408,2	55,2	
	* Hội Nông dân	880,0	498,4	56,6	
	* Hội Cựu chiến binh	402,0	207,6	51,6	
	* Hội Chữ thập đỏ	323,9	174,1	53,8	
	* Hội Người mù	359,0	204,7	57,0	
	* Hội Khuyến học	121,5	64,6	53,2	
	* Hội Cựu thanh niên xung phong	121,5	105,3	86,7	
	* Hội Người cao tuổi	85,8	43,8	51,1	
	* Hội Nạn nhân chất độc da cam	121,5	63,3	52,1	
	* Hội Đông y	40,0	15,0	37,5	
	* Hội Luật gia	40,0	28,9	72,3	
	* Ban bảo vệ sức khỏe cán bộ	70,0	42,0	60,0	
	* Ban chỉ đạo hoạt động Tôn giáo	30,0	20,0	66,7	
	* Ban chỉ đạo quy chế dân chủ cơ sở	30,0	20,0	66,7	
	* Kinh phí thực hiện QĐ 99-TW	150,0	92,0	61,3	
	* Ban bảo vệ sức khỏe nhân dân	50,0	23,0	46,0	
	* Hỗ trợ chi khác	339,8	102,7	30,2	
4	CHI KHÁC NGÂN SÁCH	3.424,0	2.528,7	73,9	
		351,0	325,2	92,6	
4.1	An ninh	2.791,0	1.945,1	69,7	
4.2	Quốc phòng địa phương	282,0	258,4	91,6	
4.3	Chi khác	40,0	16,4	41,0	
-	Chi cục Thi hành án dân sự	30,0	30,0	100,0	
-	Công an huyện	212,0	212,0	100,0	
-	Ban chỉ huy quân sự				
5	KHEN THƯỞNG CÁC NGÀNH	1.361,0	641,5	47,1	
6	TIẾT KIỂM 10% CHI THƯỜNG XUYÊN	6.669,0		0,0	
III	DỰ PHÒNG	9.714,0	846,0	8,7	

PHỤ LỤC SỐ 03

CHI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NGÂN SÁCH HUYỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư / BC-TCKH ngày 30/6/2022 của phòng TC-KH huyện)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	DANH MỤC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH	Kế hoạch năm 2022			Trong đó:							Tỷ lệ % giải ngân nguồn vốn	Ghi chú
		Tổng số	Bao gồm:		Ước giải ngân 6 tháng đầu năm 2022	Nguồn KH vốn đầu tư công 2022	Bao gồm:		Nguồn dự toán NSH hỗ trợ chi đầu tư	Nguồn chuyển nguồn 2021 sang			
			Vốn XD CB tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất			Vốn chi định mức	Vốn thu sử dụng đất					
A	B	1=2+3	2	3	4=5+8+9	5=6+7	6	7	8	9	10=4/1	11	
	TỔNG NGUỒN VỐN (A+B+C)	185.973	17.973	168.000	77.607	58.000	10.000	48.000	975	18.632	41,7	31,2	
A	VỐN BỔ TRÍ CHO CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH CỦA HUYỆN	124.723	17.973	106.750	39.507	19.900	10.000	9.900	975	18.632	31,7		
I	Các dự án Quy hoạch, đo đạc, quản lý đất đai của huyện	15.000	0	15.000	0	0	0	0	0	0	0,0		
1	Dự án Lập Quy hoạch chi tiết xây dựng và GPMB mở rộng Trung tâm Y tế huyện; mở rộng trường THPT Thanh Miện 3	5.000		5.000	-								
2	Các dự án Quy hoạch, đo đạc, lập kế hoạch sử dụng đất, quản lý đất đai khác	10.000		10.000	-								
II	Các dự án, công trình chuyển tiếp năm 2021 sang	67.000	6.000	61.000	24.607	8.900	6.000	2.900	975	14.732	36,7		
1	Xây dựng Hội trường, Nhà văn hóa trung tâm huyện Thanh Miện và các hạng mục phụ trợ.	13.000	3.000	10.000	10.412	3.900	3.000	900		6.512	80,1		
2	Dự án: Nhà công vụ, thuộc Khu hành chính tập trung của huyện.	6.000	3.000	3.000	12.500	5.000	3.000	2.000		7.500	208,3		
3	Cải tạo, nâng cấp đường huyện 195, đoạn từ Km4+300 - Km7+800 (từ xã Hồng Quang đến xã Ngô Quyền).	20.000		20.000	-	-	-				-		
4	Cải tạo, nâng cấp đường huyện Bình Xuyên - Ngô Quyền - Tân Trào	28.000		28.000	-	-	-				-		

TT	DANH MỤC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH	Kế hoạch năm 2022			Ước giải ngân 6 tháng đầu năm 2022	Trong đó:					Tỷ lệ % giải ngân nguồn vốn	Ghi chú	
		Tổng số	Bao gồm:			Nguồn KH vốn đầu tư công 2022	Bao gồm:		Nguồn dự toán NSH hỗ trợ chi đầu tư	Nguồn chuyển nguồn 2021 sang			
			Vốn XDCB tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất			Vốn tiêu chí định mức	Vốn thu tiền sử dụng đất					
A	B	1=2+3	2	3	4=5+8+9	5=6+7	6	7	8	9	10=4/1	11	
5	Làm thủy lợi Đồng Xuân 2021-2022 huyện Thanh Miện	0			975	-			974,696				
6	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng đường tỉnh 392B (đoạn từ Km3+944 đến Km12+500); đường tỉnh 399 (đoạn từ Km1+518 đến Km2+401) và Quốc lộ 38B (đoạn từ Km13+000 đến Km13+800)	0			500	-				500			
7	Hạ tầng kỹ thuật trường THCS Nguyễn Lương Bằng, thị trấn Thanh Miện, huyện Thanh Miện; Hạng mục: San lấp, tường kê và đường vào	0			220	-				220			
III	Các dự án, công trình khởi công mới năm 2022	42.723	11.973	30.750	14.900	11.000	4.000	7.000	0	3.900		34,9	
1	Hệ thống chiếu sáng đường tỉnh 392C (đoạn từ thị trấn Thanh Miện đi các xã: Lê Hồng, Đoàn Kết, Tân Trào)	5.500	2.500	3.000	6.400	5.500	2.500	3.000		900		116,4	
2	Hệ thống điện chiếu sáng đường tỉnh 396 (từ ngã tư Tiêu Lâm, xã Ngũ Hùng đến Khu du lịch sinh thái Đảo Cò, xã Chi Lăng Nam, huyện Thanh Miện)	3.500	1.500	2.000	5.000	3.500	1.500	2.000		1.500		142,9	
3	Tu bổ, tôn tạo Dền tường niệm liệt sỹ huyện	5.500	1.500	4.000	-	-	-	-				-	
4	Cải tạo vỉa hè (phía bờ sông) đường tỉnh 392, đoạn từ Trung tâm Y tế huyện đến ngã ba Trương	3.500	2.000	1.500	-	-	-	-				-	
5	Cải tạo vỉa hè đường Nguyễn Lương Bằng đoạn từ Huyện ủy đến Ủy ban nhân dân huyện	3.000	1.500	1.500	-	-	-	-				-	
6	Xây mới nhà lớp học 2 tầng 6 phòng Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện, cơ sở xã Ngũ Hùng	2.000		2.000	3.500	2.000		2.000		1.500		175,0	
7	Cải tạo đường xã Hồng Phong đoạn nối từ đường tỉnh 392B đến đường huyện Cao Thắng - Tiên Phong	6.500		6.500	-	-	-	-				-	



DANH MỤC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH

TT	DANH MỤC DỰ ÁN, KẾ HOẠCH TRÌNH	Kế hoạch năm 2022				Ước giải ngân 6 tháng đầu năm 2022	Trong đó:					Tỷ lệ % giải ngân nguồn vốn	Ghi chú
		Tổng số	Bao gồm:		Nguồn KH vốn đầu tư công 2022		Bao gồm:		Nguồn dự toán NSH hỗ trợ chi đầu tư	Nguồn chuyển nguồn 2021 sang			
			Vốn XDCB tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất			Vốn tiêu chí định mức	Vốn thu tiền sử dụng đất					
A	B	1=2+3	2	3	4=5+8+9	5=6+7	6	7	8	9	10=4/1	11	
8	Cải tạo nhà làm việc UBND huyện và nhà làm việc khối đoàn thể	1.500		1.500	-	-						-	
9	Xây dựng Khối nhà làm việc HĐND - UBND huyện và các công trình phụ trợ, thuộc Khu hành chính tập trung của huyện	1.000		1.000	-	-						-	
10	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 396, đoạn từ ngã tư Tiêu Lâm, xã Ngũ Hùng tới cầu Dao, xã Chi Lăng Nam	500		500	-	-						-	
11	Xây dựng đường vành đai phía Đông Nam huyện và cầu bắc qua sông Cửu An, sông Luộc, nối Thanh Miện với huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	500		500	-	-						-	
12	Cải tạo, nâng cấp công chào phía Đông huyện	500	500	0	-	-						-	
13	Cải tạo, nâng cấp công chào phía Bắc huyện	500	500	0	-	-						-	
14	Xây dựng Nhà đa năng trường THCS Nguyễn Lương Bằng, huyện Thanh Miện	1.973	1.973	0	-	-						-	
15	Xây dựng Khu hành chính tập trung huyện; Hạng mục: Đường giao thông và hệ thống thoát nước (giai đoạn 1)	1.500	0	1.500	-	-						-	
16	Cải tạo vỉa hè đường Nguyễn Lương Bằng, thị trấn Thanh Miện (đoạn từ trụ sở UBND huyện đến Cầu Neo cũ)	2.500	0	2.500	-	-						-	
16	Cải tạo vỉa hè đường Tuệ Tĩnh, thị trấn Thanh Miện (đoạn từ trụ sở UBND huyện đến công chào phía Đông)	2.750	0	2.750	-	-						-	
B	HỖ TRỢ CÁC XÃ, THỊ TRẤN VÀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH CỦA HUYỆN	61.250	0	61.250	38.100	38.100	38.100	0	38.100	0	0	62,2	0

TT	DANH MỤC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH	Kế hoạch năm 2022			Ước giải ngân 6 tháng đầu năm 2022	Trong đó:					Tỷ lệ % giải ngân nguồn vốn	Ghi chú
		Tổng số	Bảo gồm:			Nguồn KH vốn đầu tư công 2022	Bảo gồm:		Nguồn dự toán NSH hỗ trợ chi đầu tư	Nguồn chuyển nguồn 2021 sang		
			Vốn XD CB tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất			Vốn chi định mức	Vốn thu tiền sử dụng đất				
A	B	1=2+3	2	3	4=5+8+9	5=6+7	6	7	8	9	10=4/1	11
I	Các DA, công trình HTKT điểm dân cư mới huyện giao cấp xã làm chủ đầu tư chuyển tiếp năm 2021 sang	10.600	0	10.600	10.600	10.600	0	10.600	0	0	100,0	0
1	Điểm dân cư mới Khu trung tâm xã Chi Lăng Nam, huyện Thanh Miện; Hàng mục: San lấp mặt bằng.	1.000		1.000	1.000	1.000		1.000			100,0	
2	Điểm dân cư mới Khu trung tâm xã Chi Lăng Nam, huyện Thanh Miện; Hàng mục: Nền mặt đường, vỉa hè, thoát nước.	1.000		1.000	1.000	1.000		1.000			100,0	
3	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư mới thôn Ngọc Lập, xã Tân Trào, huyện Thanh Miện.	1.000		1.000	1.000	1.000		1.000			100,0	
4	Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư mới khu dân cư số 1, xã Đoàn Tùng, huyện Thanh Miện.	1.000		1.000	1.000	1.000		1.000			100,0	
5	Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư mới thôn Thủy Lâm, xã Đoàn Tùng, huyện Thanh Miện.	3.000		3.000	3.000	3.000		3.000			100,0	
6	Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư mới thôn An Xá, xã Tân Trào, huyện Thanh Miện.	1.600		1.600	1.600	1.600		1.600			100,0	
7	Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư mới thôn La Xá, xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện.	1.500		1.500	1.500	1.500		1.500			100,0	
8	Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư mới thôn Cự Trì, xã Ngũ Hùng, huyện Thanh Miện.	500		500	500	500		500			100,0	
II	Hỗ trợ vốn đầu tư xây dựng các công trình HTKT điểm dân cư mới của các xã khởi công mới 2022	30.500	0	30.500	15.000	15.000	0	15.000	0	0	49,2	0
1	Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư tập trung Thờ Ng, xã Đoàn Tùng	15.000		15.000	15.000	15.000		15.000			100,0	
2	Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư mới khu Triệu Nội, thị trấn Thanh Miện	11.500		11.500	-	-					-	



TT	DANH MỤC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH	Kế hoạch năm 2022			Ước giải ngân 6 tháng đầu năm 2022	Trong đó:						Tỷ lệ % giải ngân nguồn vốn	Ghi chú
		Tổng số	Bao gồm:			Nguồn KH vốn đầu tư công 2022	Bao gồm:	Nguồn dự toán NSH hỗ trợ chi đầu tư	Nguồn chuyển nguồn 2021 sang				
			Vốn XD/CB tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất						Vốn chi định mức	Vốn thu tiền sử dụng đất		
A	B	1=2+3	2	3	4=5+8+9	5=6+7	6	7	8	9	10=4/1	11	
3	Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư mới thôn Bằng Bộ, xã Cao Thẳng	4.000		4.000	-	-						-	
III	Hỗ trợ theo các chương trình của huyện	20.150	0	20.150	12.500	12.500	0	12.500	0	0		62,0	
1	Hỗ trợ Công an huyện công trình: Nâng tầng hai, nhà làm việc Đội Thi hành án hình sự và Hỗ trợ tư pháp - Công an huyện	550		550	-	-						-	
2	Hỗ trợ Công an huyện công trình: Cải tạo hội trường và các hạng mục phụ trợ	500		500	500	500		500				100,0	
3	Hỗ trợ xây dựng trụ sở Công an xã (dự kiến 04 xã x 500 triệu đồng/xã)	2.000		2.000	2.000	2.000		2.000				100,0	
4	Hỗ trợ các Trường THPT cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất (THPT Thanh Miện I: 300trđ; THPT Thanh Miện II: 500trđ; THPT Thanh Miện III: 300trđ)	1.100		1.100	-	-						-	
5	Hỗ trợ UBND xã Lam Sơn: Đầu tư nâng cấp Bia chiến thắng chợ Trương	2.000		2.000	-	-						-	
6	Hỗ trợ UBND xã Lam Sơn: Công trình di chuyển trạm biến áp Thọ Trương, xã Lam Sơn	300		300	-	-						-	
7	Hỗ trợ UBND xã Phạm Kha: Công trình di chuyển trạm biến áp Suối Mè, xã Phạm Kha	300		300	-	-						-	
8	Hỗ trợ UBND các xã, thị trấn xây mới và sửa chữa nhà văn hóa các thôn, khu dân cư (Dự kiến xây mới 05 nhà VH; sửa chữa 09 nhà VH)	2.400		2.400	-	-						-	
9	Hỗ trợ xây dựng cải tạo, nâng cấp các cầu trên địa bàn huyện	1.000		1.000	-	-						-	
10	Hỗ trợ các xã xây dựng Nông thôn mới nâng cao	10.000		10.000	10.000	10.000		10.000				-	